



yōng rén

佣人

noun · servant; domestic worker

Example Sentences

tā jiā lǐ qǐng le yī gè yōng rén
她家里请了一个佣人。

Her family hired a servant.

lǎo yōng rén zài zhè gè jiā gōng zuò le sān shí nián
老佣人在这个家工作了三十年。

The old servant has worked in this household for thirty years.

Trace each character, then write the word on your own.

佣	佣	佣	佣	佣	佣	佣	佣	佣	佣
人	人	人	人	人					